

Số/No. 87.../2025/SBB

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính
riêng và hợp nhất giữa niên độ năm
2025, kết thúc tại ngày 30/06/2025)

(Information disclosure of Separate and
Consolidated Interim Financial Statements
for the Six-Month period ended June 30, 2025)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 09 năm 2025

Ho Chi Minh City, September 24, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company would like to disclose the financial statements year 2024 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây

Name of Organization: Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

– Mã chứng khoán: SBB

Stock code: SBB

– Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM, Việt Nam

Address: 08 Nam Ky Khoi Nghia, Ward Sai Gon, HCMC, Vietnam

– Điện thoại/Tel:

Fax:

– Email: info@sabibeco.com

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

– **BCTC giữa niên độ năm 2025/Financial Statements for haft year 2025**

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases in which the cause must be explained:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in ..)

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm...):

Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in)

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year

☒ Yes

☐ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

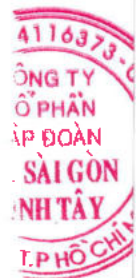
☐ Không

The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:

☒ Yes


☐ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://sabibeco.com/quan-he-co-dong/>

This information was published on the company's website at the link: <https://sabibeco.com/shareholder/>

 **Đại diện tổ chức/Representative**
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal representative/Disclosure Authorization



Lee Chio Lim Larry

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng giữa niên độ năm 2025/
*Separate Interim Financial Statements
for the Six-Month Period Ended June 30,
2025*
- BCTC hợp nhất giữa niên độ năm
2025/ *Consolidate Interim Financial
Statements for the Six-Month Period
Ended June 30, 2025*





**Saigon Binh Tay Beer Group
Joint Stock Company and its subsidiaries**

Consolidated Interim Financial Statements
for the six-month period ended 30 June 2025



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company Corporate Information

Enterprise Registration Certificate No.

0304116373

25 November 2005

The Company's Enterprise Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which is by Enterprise Registration Certificate No. 0304116373 dated 11 March 2025. The Enterprise Registration and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Board of Directors

Mr. Tan Teck Chuan Lester	Chairman (from 20 February 2025)
Mr. Van Thanh Liem	Chairman (until 20 February 2025)
Mr. Lam Du An	Vice Chairman (from 20 February 2025)
Mr. Van Thao Nguyen	Vice Chairman (until 20 February 2025)
	Member (from 20 February 2025)
Mr. Dinh Quang Hai	Member
Ms. Pham Thi Thanh Thuy	Member (from 20 February 2025)
Mr. Dinh Van Thuan	Member (until 20 February 2025)
Mr. Pham Tan Loi	Member (until 20 February 2025)
Mr. Dang Thai	Member (until 18 July 2024)
Mr. Nguyen Tien Dung	Member (until 18 July 2024)

Board of Management

Mr. Lee Chio Lim Larry	General Director (from 1 March 2025)
Mr. Nguyen Huy Canh	General Director (from 16 December 2024 until 1 March 2025)
Mr. Nguyen Manh Hung	Deputy General Director
Mr. Van Thao Nguyen	Deputy General Director (until 1 March 2025)
Ms. Van Bao Ngoc	Deputy General Director (until 1 March 2025)

Board of Supervisors

Mr. Nguyen Van Hoa	Head of the Board of Supervisors (from 20 February 2025)
	Member (until 20 February 2025)
Mr. Van Ba Nam	Head of the Board of Supervisors (until 20 February 2025)
Ms. Bui Thi Thai Ha	Member
Ms. Mai Do Minh Van	Member (from 20 February 2025)

Legal Representative

Mr. Tan Teck Chuan Lester	(from 20 February 2025)
Mr. Van Thanh Liem	(until 20 February 2025)

Registered Office

08 Nam Ky Khoi Nghia
Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City
Vietnam

Auditor

KPMG Limited Branch
Vietnam

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company Statement of the Board of Management

The Board of Management of Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company (“the Company”) presents this statement and the accompanying consolidated interim financial statements of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as “the Group”) for the six-month period ended 30 June 2025.

The Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of the consolidated interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting. In the opinion of the Board of Management:

- (a) the consolidated interim financial statements set out on pages 5 to 48 give a true and fair view of the consolidated financial position of the Group as at 30 June 2025, and of their consolidated results of operations and their consolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting; and
- (b) at the date of this statement, there are no reasons to believe that the Group will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Management has, on the date of this statement, authorised the accompanying consolidated interim financial statements for issue.

On behalf of the Board of Management



Lee Chio Lim Larry
General Director

Ho Chi Minh City, 24 September 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS REVIEW REPORT

To the Shareholders Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company

We have reviewed the accompanying consolidated interim financial statements of Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company ("the Company") and its subsidiaries (collectively referred to as "the Group"), which comprise the consolidated balance sheet as at 30 June 2025, the consolidated statements of income and cash flows for the six-month period then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Management on 24 September 2025, as set out on pages 5 to 48.

Management's Responsibility

The Company's Board of Management is responsible for the preparation and true and fair presentation of these consolidated interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting, and for such internal control as the Board of Management determines is necessary to enable the preparation of consolidated interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these consolidated interim financial statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review Engagements 2410 – *Review of interim financial information performed by the independent auditor of the entity*.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.



Basis for Qualified Conclusion

The Group did not recognise in the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2024 the tax penalty related to the unpaid taxes of a subsidiary of VND49,371 million. Had the Group recognised this tax penalty, taxes payable to State Treasury and accumulated losses reported in the consolidated balance sheet as at 30 June 2024; and other expenses and net loss after tax reported in the consolidated statement of income for the six-month period ended 30 June 2024 would have been increased by VND49,371 million. The conclusion of the predecessor auditor on the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2024 was qualified accordingly for this matter. Our conclusion on the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 is also qualified for the effects of this matter on the comparability of the current period's figures and the corresponding figures presented in the consolidated statements of income and cash flows.

Qualified Conclusion

Based on our review, except for the effects of the matter described in the Basis for Qualified Conclusion paragraph, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying consolidated interim financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries as at 30 June 2025 and of their consolidated results of operations and their consolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

Other Matters

The consolidated financial statements of the Group for the year ended 31 December 2024 were audited by another firm of auditors whose report dated 31 March 2025 expressed an unmodified audit opinion on those statements, with an emphasis of matter on the retrospective adjustments of the comparative figures related to the understatement of taxes payable to State Treasury and understatement of allowance for doubtful debts.

The consolidated interim financial statements of the Group for the six-month period ended 30 June 2024 were reviewed by another firm of auditors whose conclusion dated 21 October 2024 expressed a qualified conclusion on those statements for the effects of the matter described in the Basis for Qualified Conclusion paragraph.

KPMG Limited Branch

Vietnam

Review Report No.: 25-01-00585-25-2



Triều Tích Quyên

Practicing Auditor Registration
Certificate No. 4629-2023-007-1
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 24 September 2025

Nelson Rodriguez Casihan
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2225-2023-007-1



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Consolidated balance sheet as at 30 June 2025

Form B 01a – DN/HN
*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		891,019,265,930	739,152,494,234
Cash and cash equivalents	110	8	364,846,189,942	146,777,742,691
Cash	111		218,733,970,149	96,777,742,691
Cash equivalents	112		146,112,219,793	50,000,000,000
Short-term financial investments	120		60,000,000,000	132,400,335,911
Held-to-maturity investments	123	9(a)	60,000,000,000	132,400,335,911
Accounts receivable – short-term	130		274,461,664,295	167,513,543,888
Accounts receivable from customers	131	10	504,448,392,070	400,186,715,142
Prepayments to suppliers	132		14,148,600,488	13,275,455,888
Other short-term receivables	136	11	3,033,631,332	1,220,332,453
Allowance for doubtful debts	137	12	(247,168,959,595)	(247,168,959,595)
Inventories	140	13(a)	188,090,200,387	290,652,395,286
Inventories	141		221,123,007,752	290,652,395,286
Allowance for inventories	149		(33,032,807,365)	-
Other current assets	150		3,621,211,306	1,808,476,458
Short-term prepaid expenses	151		2,614,656,460	801,921,612
Taxes receivable from State Treasury	153		1,006,554,846	1,006,554,846

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Consolidated balance sheet as at 30 June 2025 (continued)

Form B 01a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Long-term assets (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1,280,815,273,324	1,368,005,467,295
Accounts receivable – long-term	210		20,440,000	20,440,000
Other long-term receivables	216		20,440,000	20,440,000
Fixed assets	220		1,015,562,849,962	1,087,413,784,317
Tangible fixed assets	221	14	951,753,023,029	1,022,723,676,468
Cost	222		3,857,316,962,070	3,854,216,188,484
Accumulated depreciation	223		(2,905,563,939,041)	(2,831,492,512,016)
Intangible fixed assets	227	15	63,809,826,933	64,690,107,849
Cost	228		89,074,087,377	89,074,087,377
Accumulated amortisation	229		(25,264,260,444)	(24,383,979,528)
Long-term work in progress	240		4,155,775,930	424,297,740
Construction in progress	242		4,155,775,930	424,297,740
Long-term financial investments	250		213,554,053,643	207,227,062,473
Investments in associates	252	9(b)	41,186,788,990	186,560,212,473
Equity investments in other entities	253	9(b)	173,867,264,653	22,166,850,000
Allowance for diminution in the value of long-term financial investments	254	9(b)	(1,500,000,000)	(1,500,000,000)
Other long-term assets	260		47,522,153,789	72,919,882,765
Long-term prepaid expenses	261	16	41,599,557,832	52,956,761,638
Long-term tools, supplies and spare parts	263	13(b)	5,922,595,957	19,963,121,127
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		2,171,834,539,254	2,107,157,961,529

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

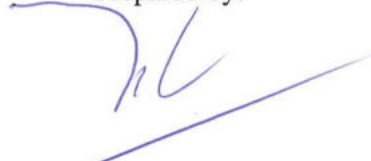
Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Consolidated balance sheet as at 30 June 2025 (continued)

Form B 01a – DN/HN
*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		1,001,117,681,885	973,595,238,910
Current liabilities	310		878,745,631,596	851,223,188,621
Accounts payable to suppliers	311	17	228,955,414,409	81,868,658,477
Advances from customers	312	18	34,255,510,505	19,795,093,569
Taxes payable to State Treasury	313	19	381,668,294,397	401,544,529,643
Payables to employees	314		10,306,938,887	13,654,496,080
Accrued expenses	315	20	4,002,092,632	3,238,543,111
Other payables	319	21	33,350,254,422	31,586,252,055
Short-term borrowings	320	22	181,164,991,597	297,157,402,011
Bonus and welfare fund	322	23	5,042,134,747	2,378,213,675
Long-term liabilities	330		122,372,050,289	122,372,050,289
Deferred tax liabilities	341	24	122,372,050,289	122,372,050,289
EQUITY (400 = 410)	400		1,170,716,857,369	1,133,562,722,619
Owners' equity	410	25	1,170,716,857,369	1,133,562,722,619
Share capital	411		875,245,360,000	875,245,360,000
- Ordinary shares with voting rights	411a	26	875,245,360,000	875,245,360,000
Share premium	412		436,708,750,464	436,708,750,464
Other capital	414		(51,168,810,051)	(51,168,810,051)
Investment and development fund	418	27	-	411,120,769,720
Accumulated losses	421		(90,068,443,044)	(538,343,347,514)
- Accumulated loss brought forward	421a		(132,130,904,193)	(231,591,740,886)
- Retained profits for the current period/ loss for the prior year	421b		42,062,461,149	(306,751,606,628)
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		2,171,834,539,254	2,107,157,961,529

24 September 2025

Prepared by:



Hoang Lan Huong
Accountant

Approved by:





Ngo Viet Ha
Chief Accountant

Lee Chio Lim Larry
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Consolidated statement of income for the six-month period ended 30 June 2025

Form B 02a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

			Six-month period ended	
	Code Note		30/6/2025	30/6/2024
			VND	VND
Revenue from sales of goods and provision of services	01	29	1,560,891,909,219	1,030,318,873,354
Cost of goods sold and services provided	11	30	1,479,608,687,821	964,978,134,525
Gross profit (20 = 01 - 11)	20		81,283,221,398	65,340,738,829
Financial income	21	31	9,473,485,365	7,423,930,410
Financial expenses	22	32	8,376,732,213	11,485,815,544
<i>In which: Interest expense</i>	23		8,370,717,797	11,438,937,156
Share of profit/(loss) in associates	24	9(b)	6,326,991,170	(24,976,370,586)
Selling expenses	25	33	11,200,193,114	16,446,283,575
General and administration expenses	26	34	27,269,274,193	94,359,734,385
Net operating profit/(loss) {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		50,237,498,413	(74,503,534,851)
Other income	31		155,966,000	710,954,503
Other expenses	32		2,551,847,510	231,759,077
Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		(2,395,881,510)	479,195,426
Accounting profit/(loss) before tax (50 = 30 + 40)	50		47,841,616,903	(74,024,339,425)
Income tax expense – current	51	36	5,779,155,754	434,287,657
Income tax expense – deferred	52	36	-	13,571,725,230
Net profit/(loss) after tax (60 = 50 - 51 - 52) (carried forward to the next page)	60		42,062,461,149	(88,030,352,312)

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Consolidated statement of income for the six-month period ended 30 June 2025
(continued)

Form B 02a – DN/HN

(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	Six-month period ended 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Net profit/(loss) after tax (60 = 50 - 51 - 52) (brought forward from the previous page)	60		42,062,461,149	(88,030,352,312)
Attributable to:				
Equity holders of the Company	61		42,062,461,149	(88,030,352,312)
Earnings per share				
Basic earnings per share	70	37	426	(1,006)

24 September 2025

Prepared by:



Hoang Lan Huong
Accountant

Approved by _____





Ngo Viet Ha
Chief Accountant

Lee Chio Lim Larry
General Director

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Consolidated statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2025
(Indirect method)

Form B 03a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code Note	Six-month period ended 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Accounting profit/(loss) before tax	01	47,841,616,903	(74,024,339,425)
Adjustments for			
Depreciation and amortisation	02	77,278,497,559	80,321,618,853
Allowances and provisions	03	47,679,806,347	69,395,787,827
Profits from investing activities	05	(7,315,711,954)	(6,265,833,934)
Share of (profit)/loss in associates	05	(6,326,991,170)	24,976,370,586
Interest expense	06	8,370,717,797	11,438,937,156
Operating profit before changes in working capital	08	167,527,935,482	105,842,541,063
Change in receivables and other assets	09	(103,486,307,766)	7,970,210,649
Change in inventories	10	68,922,913,722	19,281,193,356
Change in payables and other liabilities	11	139,538,019,069	(143,828,583,360)
Change in prepaid expenses	12	9,544,468,958	(6,890,675,514)
		282,047,029,465	(17,625,313,806)
Interest paid	14	(9,989,098,119)	(14,058,546,543)
Corporate income tax paid	15	(1,910,160,651)	(1,337,014,720)
Other payments for operating activities	17	(2,135,836,160)	(2,499,851,111)
Net cash flows from operating activities	20	268,011,934,535	(35,520,726,180)
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21	(12,215,768,356)	(518,362,800)
Proceeds from disposals of fixed assets	22	181,818,182	65,000,000
Placements of term deposits at banks	23	(709,877,267)	(21,445,608,968)
Collection of term deposits at banks	24	73,110,213,178	-
Collections on investments in other entities	26	-	115,000,000,000
Receipts of interests and dividends	27	5,682,537,393	7,394,939,419
Net cash flows from investing activities	30	66,048,923,130	100,495,967,651

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Consolidated statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2025
(Indirect method – continued)

Form B 03a – DN/HN
*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

		Six-month period ended	
	Code Note	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from borrowings	33	394,057,570,451	492,229,397,010
Payments to settle loan principals	34	(510,049,980,865)	(569,373,880,935)
Payments of dividends	36	-	(42,943,966,500)
Net cash flows from financing activities	40	(115,992,410,414)	(120,088,450,425)
Net cash flows during the period (50 = 20 + 30 + 40)	50	218,068,447,251	(55,113,208,954)
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	146,777,742,691	252,271,213,535
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50 + 60)	70 8	364,846,189,942	197,158,004,581

24 September 2025

Prepared by:



Hoang Lan Huong
Accountant

Approved by:





Ngo Viet Ha
Chief Accountant

Lee Chio Lim Larry
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated interim financial statements

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated interim financial statements.

1. Reporting entity

(a) Ownership structure

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company (“the Company”) is incorporated as a joint stock company in Vietnam. The Company’s shares were officially traded on the unlisted public companies market (UPCoM) on the Hanoi Stock Exchange in accordance with Announcement No. 5158/TB-SGDHN dated 5 December 2023 of the the Hanoi Stock Exchange with trading code of SBB.

The consolidated interim financial statements of the Company for the six-month period ended 30 June 2025 comprise the Company and its subsidiaries (together referred to as the “Group”) and the Group’s interest in associates.

On 3 January 2025, Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation (“SABECO”) acquired additional 37,814,900 shares of the Company, which increased the SABECO’s equity interest in the Company from 21.80% to 65.00% and thereby converting the Company from an associate to a subsidiary of SABECO. As a result, from that date, SABECO became the parent company.

(b) Principal activities

The principal activities of the Company are to produce and sell beer, malt liquors and malt; produce non-alcoholic beverages and mineral waters; wholesale of beverages, metal and non-metal waste and scrap; provide warehousing and storage services; and trade owned or rented property and land use rights.

The principal activities of the subsidiaries are shown in Note 1(d).

(c) Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Group is generally within 12 months.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries

Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(d) Group's structure

As at 30 June 2025, the Group had 3 subsidiaries and 1 associate (1/1/2025: 3 subsidiaries and 2 associates), as follows:

No.	Name	Address	Principal activities	30/6/2025		1/1/2025	
				% equity interest	% voting right	% equity interest	% voting right
I Subsidiaries							
1	Sai Gon Binh Tay Beer Trading Company Limited	Ho Chi Minh City, Vietnam	Wholesale of beverages (wine, beer, soft drinks) and providing restaurant services	100%	100%	100%	100%
2	Sai Gon - Phu Ly Beer Company Limited	Ninh Binh Province, Vietnam	Producing and trading beers	100%	100%	100%	100%
3	Sai Gon - Ninh Thuan Beer Company Limited	Khanh Hoa Province, Vietnam	Producing and trading beers	100%	100%	100%	100%
II Associates							
1	Sai Gon - Long Khanh Beer Joint Stock Company	Dong Nai Province, Vietnam	Producing and trading beers	20.20%	20.20%	20.20%	20.20%
2	Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company (*)	Nghe An Province, Vietnam	Producing metal bottles, cans and packaging printing	-	-	18.46%	20.01%

(*) The Group's percentage of voting right in Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company decreased from 20.01% to 18.46% as at 30 June 2025 and thus, Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company ceased to be an associate of the Group from that date (Note 9(b)(i) and Note 9(b)(ii)).

As at 30 June 2025, the Group had 588 employees (1/1/2025: 636 employees).



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

These consolidated interim financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

(b) Basis of measurement

The consolidated interim financial statements, except for the consolidated statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The consolidated statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Accounting period

The annual accounting period of the Group is from 1 January to 31 December. The consolidated interim financial statements are prepared for the six-month period ended 30 June 2025.

(d) Accounting and presentation currency

The Company's and subsidiaries' accounting currency is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for consolidated interim financial statements presentation purpose.

3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Group in the preparation of these consolidated interim financial statements.

The accounting policies that have been adopted by the Group in the preparation of these consolidated interim financial statements are consistent with those adopted in the preparation of the latest consolidated annual financial statements.

(a) Basis of consolidation

(i) Subsidiaries

Subsidiaries are entities controlled by the Group. The financial statements of subsidiaries are included in the consolidated interim financial statements from the date that control commences until the date that control ceases.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(ii) Associates

Associates are those entities in which the Group has significant influence, but not control, over the financial and operating policies. Associates are accounted for using the equity method. They are initially recognised at cost, which includes transaction costs. Subsequent to initial recognition, the consolidated interim financial statements include the Group's share of the profit or loss of the associate, after adjustments to align the accounting policies with those of the Group, from the date that significant influence commences until the date that significant influence ceases. The carrying amount of investments in associates is also adjusted for the alterations in the investor's proportionate interest in the associate arising from changes in the associate's equity that have not been included in the profit or loss (such as revaluation of fixed assets, or foreign exchange translation differences, etc.).

When the Group's share of losses exceeds its interest in an equity accounted investee, the carrying amount of that interest (including any long-term investments) is reduced to nil and the recognition of further losses is discontinued except to the extent that the Group has an obligation or has made payments on behalf of the associate.

When the Group loses significant influence over an associate, it derecognises the investment in associate and recognises the investment in equity instruments of other entity. At the date that significant influence ceases, if the fair value of the investment cannot be determined, the carrying amount of the investment from the date that significant influence ceases is regarded as the cost thereafter of that equity investment in other entity in the consolidated interim financial statements.

(iii) Transactions eliminated on consolidation

Intra-group transactions, balances, and any unrealised income and expenses arising from intra-group transactions, are eliminated in preparing the consolidated interim financial statements. Unrealised gains and losses arising from transactions with equity accounted investees are eliminated against the investment to the extent of the Group's interest in the associate.

(b) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the period have been translated into VND at rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, at the end of the accounting period quoted by the commercial bank where the Group most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the consolidated statement of income.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(c) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

(d) Investments

(i) Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are those that the Company's or its subsidiaries' management has the intention and ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments include term deposits at bank. These investments are stated at costs.

(ii) Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities are initially recognised at cost which include purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment values if the investee has suffered a loss which may cause the Group to lose their invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(e) Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

(f) Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost is determined on a weighted average basis and includes all costs incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost in the case of finished goods and work in progress includes raw materials, direct labour and attributable manufacturing overheads. Net realisable value is the estimated selling price of inventory items, less the estimated costs of completion and estimated costs to sell.

The Group applies the perpetual method of accounting for inventories.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(g) Tangible fixed assets

(i) Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, including import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repair and maintenance and overhauls cost, is charged to the consolidated statement of income in the period in which the costs are incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

(ii) Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets. The estimated useful lives are as follows:

▪ buildings and structures	3 – 43 years
▪ machinery and equipment	3 – 20 years
▪ motor vehicles	3 – 15 years
▪ office equipment	3 – 10 years
▪ others	5 – 10 years

(h) Intangible fixed assets

(i) Land use rights

Land use rights with indefinite term are stated at cost and not amortised. Land use rights with definite term are stated at cost less accumulated amortisation. The initial cost of a land use rights comprises the purchase price and any directly attributable costs incurred in conjunction with securing the land use rights. Land use rights with definite term are amortised on a straight-line basis over the term of the land use rights ranging from 41 to 49 years.

(ii) Software

Cost of acquiring new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software cost is amortised on a straight-line basis from 3 to 7 years.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(i) Construction in progress

Construction in progress represents the costs of tangible and intangible fixed assets which have not been fully completed or installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction and installation.

(j) Long-term prepaid expenses

(i) *Prepaid land costs*

Prepaid land costs comprise prepaid land lease rentals, including those for which the Group obtained land use rights certificate but are not qualified as intangible fixed assets under prevailing laws and regulations, and other costs incurred in conjunction with securing the use of lease land. These costs are recognised in the separate statement of income on a straight-line basis over the term of the leases of 40 to 49 years.

(ii) *Returnable packaging*

Returnable packaging includes bottles and crates being used in the Group's production and business activities and is initially stated at cost. Returnable packaging is amortised on a straight-line basis over 2 to 3 years.

(iii) *Tools and instruments*

Tools and instruments include assets held for use by the Group in the normal course of business whose costs of individual items are less than VND30 million and therefore not qualified for recognition as fixed assets under prevailing regulation. Cost of tools and instruments is amortised on a straight-line basis over 3 years.

(k) Trade and other payables

Trade and other payables are stated at their costs.

(l) Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, the Group has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

Severance allowance

Under the Vietnamese Labour Code, when an employee who has worked for 12 months or more (“the eligible employees”) voluntarily terminates his/her labour contract, the employer is required to pay the eligible employee severance allowance calculated based on years of service and employee’s compensation at termination. Provision for severance allowance has been provided based on employees’ years of service and their average salary for the six-month period prior to the end of the accounting period. For the purpose of determining the number of years of service by an employee, the period for which the employee participated in and contributed to unemployment insurance in accordance with prevailing laws and regulations and the period for which severance allowance has been paid by the Group are excluded.

(m) Share capital

Ordinary shares

Ordinary shares are stated at par value. Excess of cash receipt from share issued over the par value is recorded as share premium. Incremental costs directly attributable to the issue of shares, net of tax effects, are recognised as a deduction from share premium.

(n) Taxation

Income tax on the consolidated profit or loss for the period comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the consolidated statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the period, using tax rates enacted at the end of the accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous periods.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using the tax rates enacted or substantively enacted at the end of the accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

(o) Revenue and other income

(i) Goods sold

Revenue from the sales of goods is recognised in the consolidated statement of income when significant risks and rewards of ownership have been transferred to the buyer. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due or possible return of goods. Revenue on sales of goods is recognised at the net amount after deducting sales discounts stated on the invoice.

(ii) Services rendered

Revenue from services rendered is recognised in the consolidated statement of income in proportion to the stage of completion of the transaction at the balance sheet date. The stage of completion is assessed by reference to surveys of work performed. No revenue is recognised if there are significant uncertainties regarding recovery of the consideration due.

(iii) Interest income

Interest income is recognised in the consolidated statement of income on a time proportion basis with reference to the principal outstanding and the applicable interest rate.

(iv) Dividend income

Dividend income is recognised when the right to receive dividend is established. Share dividends are not recognised as income. Dividends received which are attributable to the period before investment acquisition date are deducted from the carrying amount of the investment.

(p) Borrowing costs

Borrowing costs are recognised as an expense in the period in which they are incurred, except where the borrowing costs relate to borrowings in respect of the construction of qualifying assets, in which case the borrowing costs incurred during the period of construction are capitalised as part of the cost of the assets concerned.

(q) Operating lease payments

Payments made under operating leases are recognised in the consolidated statement of income on a straight-line basis over the term of the lease. Lease incentives received are recognised in the consolidated statement of income as an integral part of the total lease expense, over the term of the lease.



Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(r) Segment reporting

A segment is a distinguishable component of the Group that is engaged either in providing related products or services (business segment), or in providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments. The Group's primary format for segment reporting is based on business segments.

(s) Earnings per share

The Group presents basic earnings per share ("EPS") for its ordinary shares. Basic EPS is calculated by dividing the profit or loss attributable to the ordinary shareholders (after deducting any amounts appropriated to bonus and welfare fund for the annual accounting period) of the Company by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the period.

The Group did not have potentially dilutive shares and therefore does not present diluted earnings per share.

(t) Related parties

Parties are considered to be related to the Group if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where the Group and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

(u) Comparative information

Comparative information in these consolidated interim financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior period is included as an integral part of the current period consolidated interim financial statements and is intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current period. Accordingly, the comparative information included in these consolidated interim financial statements is not intended to present the Group's consolidated financial position, consolidated results of operations or consolidated cash flows for the prior period.

4. Seasonality of operations

The Group's principal business activities are to produce and sell beer and non-alcoholic beverages. Other business activities are to provide warehousing and storage services, and trade owned or rented property and land use rights. Management is of the opinion that these segments are not subject to significant seasonal fluctuations.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

5. Changes in accounting estimates

In preparing these consolidated interim financial statements, the Board of Management has made several accounting estimates. Actual results may differ from these estimates.

There have been no significant changes in the accounting estimates compared to those made in the most recent consolidated annual financial statements or those made in the same interim period of the prior year.

6. Changes in the composition of the Group

There were no significant changes in the composition of the Group since the end of the last annual accounting period which affect the Group's consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025.

7. Segment reporting

(a) Business segments

The Group's principal business activities are to produce and sell beers and non-alcoholic beverages. Other business activities are to provide warehousing and storage services, and trade owned or rented property and land use rights. During the period, other business activities accounted for an insignificant proportion of total revenue and operating results of the Group. Accordingly, the financial information presented in the consolidated balance sheets as at 30 June 2025 and 1 January 2025 and revenue and expenses presented in the consolidated statements of income for the six-month period ended 30 June 2025 and 30 June 2024 were mainly related to the Group's principal business activities.

(b) Geographical segments

The Group's geographical segments are distinguished based on the locations of customers, being the local or foreign customers, in which, export sales only accounted for an insignificant proportion of the Group's revenue and did not require a separate report. Accordingly, the financial information presented mainly reflected the business activities of the Group in the territory of Vietnam.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

8. Cash and cash equivalents

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Cash on hand	868,553,564	2,162,137,667
Cash in banks	217,865,416,585	94,615,605,024
Cash equivalents	146,112,219,793	50,000,000,000
	<hr/>	<hr/>
	364,846,189,942	146,777,742,691
	<hr/>	<hr/>

Cash equivalents represented term deposits with banks with original terms of 3 months or less. These term deposits were denominated in VND and earned interest at rates ranging from 0.50% to 4.75% per annum (1/1/2025: 2.90% per annum).

9. Investments

(a) Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments represented term deposits at banks with original terms of greater than 3 months from their transaction dates and remaining terms to maturity of not greater than 12 months from the end of accounting period. These term deposits were denominated in VND and earned interest at rates ranging from 4.20% to 4.80% per annum (1/1/2025: from 4.10% to 5.50% per annum).

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries

Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(i) Investments in associates

Company name	30/6/2025					1/1/2025		
	% of equity owned	% voting right	Equity accounted VND	Fair value VND	Allowance VND	% of equity owned	% voting right	Equity accounted VND
▪ Sai Gon - Long Khanh Beer Joint Stock Company	20.20%	20.20%	41,186,788,990	(*)	-	20.20%	20.20%	41,186,788,990
▪ Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company	-	-	-	-	-	18.46%	20.01%	145,373,423,483
			41,186,788,990		-			186,560,212,473
					-			

Movements of investments in associates during the period were as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Opening balance	186,560,212,473	324,702,817,994
Share of profit/(loss) during the period	6,326,991,170	(24,976,370,586)
Transfer to equity investments in other entities	(151,700,414,653)	-
Divestment during the period	-	(115,000,000,000)
Closing balance	41,186,788,990	184,726,447,408

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries

Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(ii) Equity investments in other entities

	30/6/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Fair value VND	Allowance VND	Cost VND
▪ Sai Gon - Quang Ngai Beer Joint Stock Company	11,666,670,000	22,201,673,010	-	11,666,670,000
▪ Sai Gon - Ha Noi Beer Corporation	9,000,180,000	17,295,345,900	-	9,000,180,000
▪ Truong Sa Food - Food Business				
▪ Joint Stock Company	1,500,000,000	(*)	(1,500,000,000)	1,500,000,000
▪ Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company	151,700,414,653	(*)	-	-
	173,867,264,653		(1,500,000,000)	22,166,850,000
				(1,500,000,000)

The fair values of long-term financial investments as at 30 June 2025 and 1 January 2025 were determined by reference to the quoted prices.

(*) The Group has not determined fair values of these investments for disclosure in the consolidated interim financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair value of these investments may differ from their carrying amounts.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

10. Accounts receivable from customers

(a) Accounts receivable from customers detailed by significant customers

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	229,544,983,034	127,134,553,956
Sagota Ca Mau Trading Joint Stock Company	23,388,205,764	23,388,205,764
Other customers	251,515,203,272	249,663,955,422
	<hr/>	<hr/>
	504,448,392,070	400,186,715,142
	<hr/>	<hr/>

(b) Accounts receivable from customers who are related parties

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	229,544,983,034	127,134,553,956
<i>Other related party</i>		
Saigon Beer Trading Company Limited	742,802,233	332,982,405
	<hr/>	<hr/>

The trade related amounts due from related parties were unsecured, interest free and are receivable within 45 days from invoice date.

11. Other short-term receivables

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Interest receivables	1,654,671,447	203,315,068
Advances to employees	904,109,000	658,000,000
Others	474,850,885	359,017,385
	<hr/>	<hr/>
	3,033,631,332	1,220,332,453
	<hr/>	<hr/>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

12. Allowance for doubtful debts

	Overdue days	30/6/2025			1/1/2025		
		Cost VND	Allowance VND	Recoverable amount VND	Overdue days	Cost VND	Allowance VND
▪ Sagota Ca Mau Trading Joint Stock Company	Over 3 years	23,388,205,764	(23,388,205,764)	-	Over 3 years	23,388,205,764	(23,388,205,764)
▪ Gota Quang Ngai Joint Stock Company	Over 3 years	17,992,290,458	(17,992,290,458)	-	Over 3 years	17,992,290,458	(17,992,290,458)
▪ Sagota Bita Northern Trading Joint Stock Company	Over 3 years	17,988,474,416	(17,852,452,034)	136,022,382	Over 3 years	17,852,452,034	(17,852,452,034)
▪ Other customers	Over 3 years	199,301,703,336	(187,936,011,339)	11,365,691,997	Over 3 years	199,574,610,920	(187,936,011,339)
		258,670,673,974	(247,168,959,595)	11,501,714,379		258,807,559,176	(247,168,959,595)
							11,638,599,581

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

13. Inventories

(a) Inventories

	30/6/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Raw materials	105,098,211,734	(5,408,769,647)	118,670,482,597	-
Tools and supplies	16,100,445,976	(8,559,294,589)	15,801,442,149	-
Work in progress	54,199,129,134	-	68,095,038,479	-
Finished goods	22,151,107,988	-	63,771,196,139	-
Merchandise inventories	321,327,059	(7,398,500)	1,722,591,417	-
Goods on consignment	23,252,785,861	(19,057,344,629)	22,591,644,505	-
	221,123,007,752	(33,032,807,365)	290,652,395,286	-

Included in inventories as at 30 June 2025 was VND33,033 million (1/1/2025: nil) of obsolete or slow-moving inventories.

During the period, the Group made allowance for inventories amounting to VND33,033 million (six-month period ended 30 June 2024: nil).

(b) Long-term tools, supplies and spare parts

	30/6/2025		1/1/2025	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Long-term tools, supplies and spare parts	20,569,594,939	(14,646,998,982)	19,963,121,127	-

Included in long-term tools, supplies and spare parts as at 30 June 2025 was VND14,647 million (1/1/2025: nil) of obsolete or slow-moving long-term tools, supplies and spare parts.

During the period, the Group made allowance for long-term tools, supplies and spare parts amounting to VND14,647 million (six-month period ended 30 June 2024: nil).

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries

Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

14. Tangible fixed assets

Cost	Buildings and structures VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicles VND	Office equipment VND	Others VND	Total VND
Opening balance	839,929,899,005	2,949,474,627,354	58,613,131,992	3,931,730,437	2,266,799,696	3,854,216,188,484
Additions	-	5,427,563,204	-	-	-	5,427,563,204
Disposals	-	-	(2,326,789,618)	-	-	(2,326,789,618)
Closing balance	839,929,899,005	2,954,902,190,558	56,286,342,374	3,931,730,437	2,266,799,696	3,857,316,962,070
Accumulated depreciation						
Opening balance	481,655,030,384	2,304,669,238,406	39,127,465,835	3,773,977,695	2,266,799,696	2,831,492,512,016
Charge for the period	19,012,919,144	55,588,949,201	1,769,135,088	27,213,210	-	76,398,216,643
Disposals	-	-	(2,326,789,618)	-	-	(2,326,789,618)
Closing balance	500,667,949,528	2,360,258,187,607	38,569,811,305	3,801,190,905	2,266,799,696	2,905,563,939,041
Net book value						
Opening balance	358,274,868,621	644,805,388,948	19,485,666,157	157,752,742	-	1,022,723,676,468
Closing balance	339,261,949,477	594,644,002,951	17,716,531,069	130,539,532	-	951,753,023,029

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Included in tangible fixed assets as at 30 June 2025 were assets costing VND1,290,520 million (1/1/2025: VND1,213,848 million) which were fully depreciated, but still in active use.

As at 30 June 2025, tangible fixed assets with net book value of VND374,345 million (1/1/2025: VND417,593 million) were pledged with a bank as security for loans granted to the Group (Note 22).

15. Intangible fixed assets

	Land use rights VND	Software VND	Total VND
Cost			
Opening and closing balance	87,114,712,377	1,959,375,000	89,074,087,377
Accumulated amortisation			
Opening balance	22,424,604,528	1,959,375,000	24,383,979,528
Charge for the period	880,280,916	-	880,280,916
Closing balance	23,304,885,444	1,959,375,000	25,264,260,444
Net book value			
Opening balance	64,690,107,849	-	64,690,107,849
Closing balance	63,809,826,933	-	63,809,826,933

Included in intangible fixed assets as at 30 June 2025 were assets costing VND4,684 million (1/1/2025: VND4,684 million) which were fully amortised, but still in active use.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

16. Long-term prepaid expenses

	Prepaid land costs VND	Returnable packaging VND	Tools and instruments VND	Others VND	Total VND
Opening balance	32,076,499,865	10,493,630,896	8,298,848,359	2,087,782,518	52,956,761,638
Additions	-	-	1,007,202,191	490,716,000	1,497,918,191
Amortisation for the period	(512,657,874)	(9,757,542,098)	(1,839,733,302)	(745,188,723)	(12,855,121,997)
Closing balance	31,563,841,991	736,088,798	7,466,317,248	1,833,309,795	41,599,557,832

17. Accounts payable to suppliers

(a) Accounts payable to suppliers detailed by significant suppliers

	Cost/Amount within repayment capacity	
	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	184,722,388,673	35,351,796,845
Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company	14,508,707,410	15,182,080,251
Other suppliers	29,724,318,326	31,334,781,381
	228,955,414,409	81,868,658,477

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(b) Accounts payable to suppliers who are related parties

	Cost/Amount within repayment capacity	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation	184,722,388,673	35,351,796,845
<i>Other related parties</i>		
Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company	14,508,707,410	15,182,080,251
Binh Tay Liquor Joint Stock Company	811,816,233	5,105,648,574
Saigon Beer Trading Company Limited	168,414,321	81,830,673
Sa Be Co Mechanical Co., Ltd.	119,504,837	-
MM Mega Market (Vietnam) Company Limited	38,681,477	-
Sai Gon - Vinh Long Beer Joint Stock Company	34,949,880	-
Chuong Duong Beverages Joint Stock Company	1,354,909	-
Sai Gon - Ha Tinh Beer One Member Company Limited	-	16,740,000

The trade related amounts due to other related parties were unsecured, interest free and are payable within 15 days from invoice date.

18. Advances from customers

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Metro J Trading Co., Ltd.	22,492,959,032	9,404,698,102
Trade Beer Sole Co., Ltd	7,554,766,156	6,732,350,222
Other customers	4,207,785,317	3,658,045,245
	34,255,510,505	19,795,093,569

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries

Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

19. Taxes payable to State Treasury

	1/1/2025 VND	Incurred VND	Net-off VND	Paid VND	30/6/2025 VND
Value added tax	22,368,658,891	286,441,964,895	(112,722,482,020)	(133,530,397,527)	62,557,744,239
Special consumption tax	263,473,125,082	1,382,830,210,503	-	(1,335,646,556,583)	310,656,779,002
Corporate income tax	1,910,160,651	5,779,155,754	-	(1,910,160,651)	5,779,155,754
Personal income tax	913,619,541	2,231,674,336	-	(2,477,433,125)	667,860,752
Natural resource tax	2,714,400	14,077,760	-	(14,414,960)	2,377,200
Other taxes	112,876,251,078	4,778,566,713	-	(115,650,440,341)	2,004,377,450
	401,544,529,643	1,682,075,649,961	(112,722,482,020)	(1,589,229,403,187)	381,668,294,397

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

20. Accrued expenses

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Rental fee	2,058,373,213	-
Interest expense	119,122,187	1,737,502,509
Others	1,824,597,232	1,501,040,602
	<hr/>	<hr/>
	4,002,092,632	3,238,543,111
	<hr/>	<hr/>

21. Other payables

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Deposits received	27,305,028,552	25,998,898,552
Dividends payable	3,599,799,000	3,599,799,000
Trade union fees	2,134,143,535	1,751,840,335
Others	311,283,335	235,714,168
	<hr/>	<hr/>
	33,350,254,422	31,586,252,055
	<hr/>	<hr/>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries

Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

22. Short-term borrowings

	1/1/2025 Carrying amount/ Amount within repayment capacity VND	Movements during the period		30/6/2025 Carrying amount/ Amount within repayment capacity VND
		Increase VND	Decrease VND	
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ky Dong Branch (i)	212,802,985,274	315,405,223,721	(347,043,217,398)	181,164,991,597
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (ii)	60,916,391,737	78,652,346,730	(139,568,738,467)	-
Saigon Beer Transportation Joint Stock Company (iii)	20,000,000,000	-	(20,000,000,000)	-
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch (iii)	3,438,025,000	-	(3,438,025,000)	-
	297,157,402,011	394,057,570,451	(510,049,980,865)	181,164,991,597

Terms and conditions of outstanding short-term borrowing were as follows:

	Currency	Annual interest rate	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ky Dong Branch	VND	4.8% - 6.5%	181,164,991,597	212,802,985,274
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank	VND	6.9% - 7.0%	-	60,916,391,737
Saigon Beer Transportation Joint Stock Company	VND	6.5%	-	20,000,000,000
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch	VND	5.5%	-	3,438,025,000
			181,164,991,597	297,157,402,011

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

- (i) The loan from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ky Dong Branch has a credit limit of VND250,000 million. This loan is secured by the Company's machinery and equipment (Note 14).
- (ii) This loan was secured by the Company's buildings and structures, brewery production machinery and equipment and land use right (Note 14 and Note 15).
- (iii) These loans were unsecured.

23. Bonus and welfare fund

This fund is established by appropriating amounts from retained profits as approved by shareholders at the General Meeting of shareholders. This fund is used to pay bonus and welfare to the Group's employees in accordance with the Group's bonus and welfare policies.

Movements of bonus and welfare fund during the period were as follows:

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Opening balance	2,378,213,675	6,131,504,036
Appropriation during the period (Note 25)	4,799,757,232	-
Utilisation during the period	(2,135,836,160)	(2,499,851,111)
Closing balance	5,042,134,747	3,631,652,925

24. Deferred tax liabilities

	Tax rate	30/6/2025	1/1/2025
		VND	VND
<i>Deferred tax liabilities recognised on:</i>			
▪ Allowance for diminution in the value of long-term financial investments	20%	122,372,050,289	122,372,050,289

Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2025 (continued)

(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

25. Changes in owners' equity

	Share capital VND	Share premium VND	Other capital VND	Investment and development fund VND	Accumulated losses VND	Total VND
Balance as at 1 January 2024	875,245,360,000	436,708,750,464	(51,168,810,051)	498,645,305,720	(231,591,740,886)	1,527,838,865,247
Net loss for the period	-	-	-	-	(88,030,352,312)	(88,030,352,312)
Balance as at 30 June 2024	875,245,360,000	436,708,750,464	(51,168,810,051)	498,645,305,720	(319,622,093,198)	1,439,808,512,935
Reversal of investment and development fund	-	-	-	(87,524,536,000)	87,524,536,000	-
Dividends	-	-	-	-	(87,524,536,000)	(87,524,536,000)
Net loss for the period	-	-	-	-	(218,721,254,316)	(218,721,254,316)
Balance as at 1 January 2025	875,245,360,000	436,708,750,464	(51,168,810,051)	411,120,769,720	(538,343,347,514)	1,133,562,722,619
Reversal of investment and development fund (Note 27)	-	-	-	(411,120,769,720)	411,120,769,720	-
Appropriation to bonus and welfare fund (Note 23)	-	-	-	-	(4,799,757,232)	(4,799,757,232)
Appropriation to social activities fund	-	-	-	-	(75,569,167)	(75,569,167)
Other decrease	-	-	-	-	(33,000,000)	(33,000,000)
Net profit for the period	-	-	-	-	42,062,461,149	42,062,461,149
Balance as at 30 June 2025	875,245,360,000	436,708,750,464	(51,168,810,051)	-	(90,068,443,044)	1,170,716,857,369

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

26. Share capital

The Company's authorised and issued share capital are:

	30/6/2025 and 1/1/2025	
	Number of shares	VND
Authorised and issued share capital		
Ordinary shares	87,524,536	875,245,360,000
Shares in circulation		
Ordinary shares	87,524,536	875,245,360,000

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividend as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Group's residual assets.

27. Investment and development fund

Investment and development fund was appropriated amounts from retained profits in accordance with the resolution of Annual General Meeting of shareholders. This fund was established for the purpose of future business expansion.

The Annual General Meeting of shareholders on 23 June 2025 resolved to reverse the investment and development fund amounting to VND411,121 million to retained profits (six-month period ended 30 June 2024: nil) (Note 25).

28. Off balance sheet items

(a) Lease commitment

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Within one year	9,537,962,704	9,537,962,704
Within two to five years	156,405,149,657	158,805,857,493
More than five years	109,942,809,114	112,311,082,631
	275,885,921,475	280,654,902,828

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(b) Foreign currency

	30/6/2025		1/1/2025	
	Original currency	VND equivalent	Original currency	VND equivalent
USD	408,430	10,605,720,440	1,943,065	48,877,798,817

29. Revenue from sales of goods and provision of services

Total revenue represented the gross value of goods sold and services provided, exclusive of value added tax and special sales tax.

	Six-month period ended	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Total revenue		
▪ Sales of finished goods	1,500,668,842,765	893,575,300,702
▪ Sales of merchandise goods	39,318,096,788	64,116,611,172
▪ Provision of services	14,421,217,881	64,885,706,830
▪ Others	6,483,751,785	7,741,254,650
	1,560,891,909,219	1,030,318,873,354

30. Cost of goods sold and services provided

	Six-month period ended	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Finished goods sold	1,382,504,190,212	841,372,221,033
Merchandises sold	37,251,077,937	57,427,538,304
Allowance for inventories and long-term tools, supplies and spare parts	47,679,806,347	-
Services provided	9,580,273,825	61,847,998,548
Others	2,593,339,500	4,330,376,640
	1,479,608,687,821	964,978,134,525

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

31. Financial income

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Interest income from term deposits at banks	5,067,208,772	3,844,902,919
Dividend income	2,066,685,000	2,650,018,500
Foreign exchange gains	2,339,591,593	929,008,991
	<hr/>	<hr/>
	9,473,485,365	7,423,930,410
	<hr/>	<hr/>

32. Financial expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Interest expense	8,370,717,797	11,438,937,156
Others	6,014,416	46,878,388
	<hr/>	<hr/>
	8,376,732,213	11,485,815,544
	<hr/>	<hr/>

33. Selling expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Materials, tools and supplies	5,707,783,132	8,864,676,617
Outside services	3,293,881,287	2,327,524,862
Staff costs	1,999,522,977	3,991,351,874
Depreciation and amortisation	86,078,364	149,073,096
Others	112,927,354	1,113,657,126
	<hr/>	<hr/>
	11,200,193,114	16,446,283,575
	<hr/>	<hr/>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

34. General and administration expenses

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Staff costs	15,940,120,424	14,935,671,855
Depreciation and amortisation	4,079,671,365	4,462,148,718
Outside services	3,959,562,715	2,153,198,239
Materials, tools and supplies	1,018,203,721	478,960,402
Allowance for doubtful debts	-	69,395,787,827
Others	2,271,715,968	2,933,967,344
	<hr/>	<hr/>
	27,269,274,193	94,359,734,385

35. Production and business costs by elements

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Raw material costs included in production costs	1,260,970,202,271	762,016,573,105
Allowance for inventories and long-term tools, supplies and spare parts	47,679,806,347	-
Labour costs and staff costs	60,158,249,890	49,900,868,646
Depreciation and amortisation	77,278,497,559	80,321,618,853
Outside services	53,736,609,292	41,232,218,585
Other expenses	18,254,789,769	4,405,697,786
	<hr/>	<hr/>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

36. Corporate income tax

(a) Recognised in the consolidated statement of income

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Current tax expense		
Current period	5,779,155,754	434,287,657
Deferred tax expenses		
Origination and reversal of temporary differences	-	13,571,725,230
	<hr/>	<hr/>
	5,779,155,754	14,006,012,887
	<hr/>	<hr/>

(b) Reconciliation of effective tax rate

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Accounting profit/(loss) before tax	47,841,616,903	(74,024,339,425)
Tax at the Company's tax rate	9,568,323,381	(14,804,867,885)
Tax exempt income	(1,678,735,234)	(530,003,700)
Non-deductible expenses	729,662,915	188,995,736
Tax losses utilised	(12,376,056,577)	-
Changes in unrecognised deferred tax assets	9,535,961,269	29,151,888,736
	<hr/>	<hr/>
	5,779,155,754	14,006,012,887
	<hr/>	<hr/>

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(c) Unrecognised deferred tax assets

Deferred tax assets have not been recognised in respect of the following items:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Temporary difference VND	Tax value VND	Temporary difference VND	Tax value VND
Deductible temporary differences	47,679,806,347	9,535,961,269	-	-
Tax losses	1,069,967,487,619	213,993,497,524	1,131,847,770,506	226,369,554,101
	<u>1,117,647,293,966</u>	<u>223,529,458,793</u>	<u>1,131,847,770,506</u>	<u>226,369,554,101</u>

The tax losses expire in the following years:

Year of expiry	Status of tax review	Tax losses available VND
2025	Outstanding	82,116,905,883
2026	Outstanding	33,145,230,793
2027	Outstanding	17,489,914,101
2028	Outstanding	440,819,405,977
2029	Outstanding	494,527,967,328
2030	Outstanding	1,868,063,537
		<u>1,069,967,487,619</u>

(d) Applicable tax rate

Under the terms of Income Tax Law, the Company and its subsidiaries have an obligation to pay the government income tax at the rate of 20% of taxable profits.

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

37. Basic earnings per share

The calculation of basic earnings per share for the six-month period ended 30 June 2025 and 30 June 2024 was based on the net profit attributable to ordinary shareholders after deducting the amounts appropriated to bonus and welfare fund for the annual accounting period and a weighted average number of ordinary shares outstanding, calculated as follows:

(i) Net profit attributable to ordinary shareholders

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Net profit/(loss) for the period	42,062,461,149	(88,030,352,312)
Appropriation to bonus and welfare fund	(4,799,757,232)	-
Net profit attributable to ordinary shareholders	37,262,703,917	(88,030,352,312)

The appropriation of bonus and welfare fund for the six-month period ended 30 June 2025 was estimated based on the budgeted amount that was approved by the shareholders at the Annual General Meeting of shareholders.

(ii) Weighted average number of ordinary shares

There was no movement in number of ordinary shares for the six-month period ended 30 June 2025 and 30 June 2024. Weighted average number of ordinary shares used to calculate the basic earnings per share for the presented periods is 87,524,536 shares.

(iii) Basic earnings per share

	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Basic earnings per share	426	(1,006)

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

38. Significant transactions with related parties

In addition to the related party balances disclosed in other notes to the consolidated interim financial statements, the Group had the following significant transactions with related parties during the period:

	Transaction value	
	Six-month period ended	30/6/2024
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
<i>The parent company</i>		
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation		
Sales of finished goods (exclusive of special sales tax)	1,392,135,029,415	762,347,942,389
Sales of raw materials	115,000,667	-
Provision of services	100,295,000	-
Purchases of raw materials	1,044,016,151,942	569,371,393,854
Purchases of equipment	595,207,000	-
Dividends paid	-	7,186,150,000
<i>Other related parties</i>		
Sai Gon Packaging Group Joint Stock Company		
Sales of finished goods	-	10,000,000
Purchases of packaging materials	37,041,385,875	64,782,517,323
Binh Tay Liquor Joint Stock Company		
Land rental fees	2,058,373,213	3,120,525,256
Dividends paid	-	2,760,000,000
Sai Gon - Quang Ngai Beer Joint Stock Company		
Dividend income	1,166,667,000	1,750,000,500
Sai Gon - Ha Noi Beer Corporation		
Dividend income	900,018,000	900,018,000
Saigon Beer Trading Company Limited		
Provision of services	1,325,561,086	-
Pallet rental fees	284,065,174	-
Sa Be Co Mechanical Co., Ltd.		
Purchases of goods	579,728,450	-
Purchases of services	8,600,000	-
San Miguel Yamamura Phu Tho Packaging Co., Ltd		
Purchases of packaging materials	106,719,250	-
Sai Gon - Ha Tinh Beer One Member Co., Ltd.		
Purchase of materials	62,000,000	-

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Transaction value	
	Six-month period ended	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Saigon - Lamdong Beer Joint Stock Company		
Purchases of goods	54,441,000	-
Sai Gon - Vinh Long Beer Joint Stock Company		
Purchases of goods	32,361,000	-
Chuong Duong Beverages Joint Stock Company		
Purchases of goods	6,559,099	-
MM Mega Market (Vietnam) Company Limited		
Purchases of services	1,292,879	-
Purchases of goods	102,963	-
Board of Directors		
<i>Fees</i>		
Mr. Tan Teck Chuan Lester	32,000,000	-
Mr. Lam Du An	28,000,000	-
Mr. Van Thao Nguyen	36,000,000	36,000,000
Mr. Dinh Quang Hai	36,000,000	36,000,000
Ms. Pham Thi Thanh Thuy	24,000,000	-
Mr. Van Thanh Liem	16,000,000	48,000,000
Mr. Dinh Van Thuan	12,000,000	36,000,000
Mr. Pham Tan Loi	12,000,000	36,000,000
Mr. Dang Thai	-	36,000,000
Mr. Nguyen Tien Dung	-	36,000,000
Board of Management		
Salary and bonus	1,880,000,000	1,620,000,000
Board of Supervisors		
Remuneration	74,000,000	54,000,000

Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company and its subsidiaries
Notes to the consolidated interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2025 (continued)

Form B 09a – DN/HN

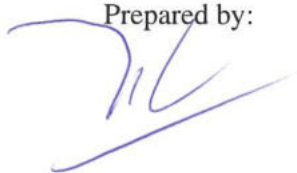
*(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

39. Comparative information

The comparative information as at 1 January 2025 was derived from the balances and amounts reported in the Group's consolidated annual financial statements as at and for the year ended 31 December 2024. The comparative information for the six-month period ended 30 June 2024 was derived from the balances and amounts reported in the Group's consolidated interim financial statements as at and for the six-month period ended 30 June 2024.

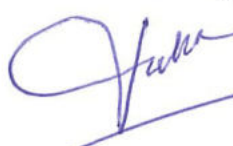
24 September 2025

Prepared by:



Hoang Lan Huong
Accountant

Approved by:



Ngo Viet Ha
Chief Accountant



Lee Chio Lim Larry
General Director





**Công ty Cổ phần Tập đoàn
Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0304116373

ngày 25 tháng 11 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304116373 ngày 11 tháng 3 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Ông Lâm Du An	Phó Chủ tịch (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Ông Đinh Quang Hải	Thành viên (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Bà Phạm Thị Thanh Thùy	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Ông Đặng Thái	Thành viên (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên (đến ngày 18 tháng 7 năm 2024)
	Thành viên (đến ngày 18 tháng 7 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Lee Chio Lim Larry	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Huy Cảnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 12 năm 2024 đến ngày 1 tháng 3 năm 2025)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2025)
Bà Văn Bảo Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hoà	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Ông Văn Bá Nam	Thành viên (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025) Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên
Bà Mai Đỗ Minh Văn	Thành viên (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tan Teck Chuan Lester (từ ngày 20 tháng 2 năm 2025)
 Ông Văn Thanh Liêm (đến ngày 20 tháng 2 năm 2025)

Trụ sở đăng ký

08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 9 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tập đoàn chưa ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 khoản phạt thuế liên quan đến số thuế chưa nộp của một công ty con với số tiền là 49.371 triệu VND. Nếu Tập đoàn ghi nhận khoản phạt thuế này, thì thuế phải nộp Nhà nước và lỗ lũy kế được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024; và chi phí khác và lỗ thuần sau thuế TNDN được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 sẽ tăng 49.371 triệu VND. Kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra kết luận ngoại trừ cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 liên quan đến vấn đề này. Chúng tôi đưa ra kết luận ngoại trừ cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 do ảnh hưởng của vấn đề này đến tính có thể so sánh giữa số liệu kỳ hiện hành với số liệu so sánh của kỳ trước được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả ở đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2025, công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó, kèm theo vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến các điều chỉnh hồi tố của số liệu so sánh phát sinh từ việc ghi nhận chưa đầy đủ thuế phải nộp Nhà nước và ghi nhận chưa đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận ngoại trừ trong báo cáo soát xét ngày 21 tháng 10 năm 2024 do ảnh hưởng của vấn đề được mô tả ở đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00585-25-2



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		891.019.265.930	739.152.494.234
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	364.846.189.942	146.777.742.691
Tiền	111		218.733.970.149	96.777.742.691
Các khoản tương đương tiền	112		146.112.219.793	50.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		60.000.000.000	132.400.335.911
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	60.000.000.000	132.400.335.911
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		274.461.664.295	167.513.543.888
Phải thu của khách hàng	131	10	504.448.392.070	400.186.715.142
Trả trước cho người bán	132		14.148.600.488	13.275.455.888
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	3.033.631.332	1.220.332.453
Dự phòng phải thu khó đòi	137	12	(247.168.959.595)	(247.168.959.595)
Hàng tồn kho	140	13(a)	188.090.200.387	290.652.395.286
Hàng tồn kho	141		221.123.007.752	290.652.395.286
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.032.807.365)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.621.211.306	1.808.476.458
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.614.656.460	801.921.612
Thuế phải thu Nhà nước	153		1.006.554.846	1.006.554.846

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.280.815.273.324	1.368.005.467.295
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.440.000	20.440.000
Phải thu dài hạn khác	216		20.440.000	20.440.000
Tài sản cố định	220		1.015.562.849.962	1.087.413.784.317
Tài sản cố định hữu hình	221	14	951.753.023.029	1.022.723.676.468
Nguyên giá	222		3.857.316.962.070	3.854.216.188.484
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.905.563.939.041)	(2.831.492.512.016)
Tài sản cố định vô hình	227	15	63.809.826.933	64.690.107.849
Nguyên giá	228		89.074.087.377	89.074.087.377
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.264.260.444)	(24.383.979.528)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.155.775.930	424.297.740
Xây dựng cơ bản dở dang	242		4.155.775.930	424.297.740
Đầu tư tài chính dài hạn	250		213.554.053.643	207.227.062.473
Đầu tư vào công ty liên kết	252	9(b)	41.186.788.990	186.560.212.473
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	173.867.264.653	22.166.850.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		47.522.153.789	72.919.882.765
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	41.599.557.832	52.956.761.638
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13(b)	5.922.595.957	19.963.121.127
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.171.834.539.254	2.107.157.961.529

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.001.117.681.885	973.595.238.910
Nợ ngắn hạn	310		878.745.631.596	851.223.188.621
Phải trả người bán	311	17	228.955.414.409	81.868.658.477
Người mua trả tiền trước	312	18	34.255.510.505	19.795.093.569
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	381.668.294.397	401.544.529.643
Phải trả người lao động	314		10.306.938.887	13.654.496.080
Chi phí phải trả	315	20	4.002.092.632	3.238.543.111
Phải trả khác	319	21	33.350.254.422	31.586.252.055
Vay ngắn hạn	320	22	181.164.991.597	297.157.402.011
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	5.042.134.747	2.378.213.675
Nợ dài hạn	330		122.372.050.289	122.372.050.289
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	24	122.372.050.289	122.372.050.289
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.170.716.857.369	1.133.562.722.619
Vốn chủ sở hữu	410	25	1.170.716.857.369	1.133.562.722.619
Vốn cổ phần	411		875.245.360.000	875.245.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	26	875.245.360.000	875.245.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		436.708.750.464	436.708.750.464
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(51.168.810.051)	(51.168.810.051)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	-	411.120.769.720
Lỗi lũy kế	421		(90.068.443.044)	(538.343.347.514)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(132.130.904.193)	(231.591.740.886)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/lỗi năm trước	421b		42.062.461.149	(306.751.606.628)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.171.834.539.254	2.107.157.961.529

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:

Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:

Ngô Việt Hà
Kế toán Trưởng

Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

			Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.560.891.909.219	1.030.318.873.354
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.479.608.687.821	964.978.134.525
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		81.283.221.398	65.340.738.829
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	9.473.485.365	7.423.930.410
Chi phí tài chính	22	32	8.376.732.213	11.485.815.544
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.370.717.797	11.438.937.156
Phân lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24	9(b)	6.326.991.170	(24.976.370.586)
Chi phí bán hàng	25	33	11.200.193.114	16.446.283.575
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	27.269.274.193	94.359.734.385
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		50.237.498.413	(74.503.534.851)
Thu nhập khác	31		155.966.000	710.954.503
Chi phí khác	32		2.551.847.510	231.759.077
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.395.881.510)	479.195.426
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		47.841.616.903	(74.024.339.425)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	5.779.155.754	434.287.657
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	13.571.725.230
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		42.062.461.149	(88.030.352.312)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		42.062.461.149	(88.030.352.312)
Trong đó:				
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	61		42.062.461.149	(88.030.352.312)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	426	(1.006)

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:





Ngô Việt Hà
Kế toán Trưởng

Lee Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025	30/6/2024
		VND	VND
Mã Thuyết			
số minh			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	47.841.616.903	(74.024.339.425)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	77.278.497.559	80.321.618.853
Các khoản dự phòng	03	47.679.806.347	69.395.787.827
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(7.315.711.954)	(6.265.833.934)
Phần (lãi)/lỗ trong công ty liên kết	05	(6.326.991.170)	24.976.370.586
Chi phí lãi vay	06	8.370.717.797	11.438.937.156
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	167.527.935.482	105.842.541.063
Biến động các khoản phải thu và các tài sản khác	09	(103.486.307.766)	7.970.210.649
Biến động hàng tồn kho	10	68.922.913.722	19.281.193.356
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	139.538.019.069	(143.828.583.360)
Biến động chi phí trả trước	12	9.544.468.958	(6.890.675.514)
		282.047.029.465	(17.625.313.806)
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.989.098.119)	(14.058.546.543)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.910.160.651)	(1.337.014.720)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.135.836.160)	(2.499.851.111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	268.011.934.535	(35.520.726.180)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(12.215.768.356)	(518.362.800)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	181.818.182	65.000.000
Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(709.877.267)	(21.445.608.968)
Tiền thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	73.110.213.178	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	115.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	5.682.537.393	7.394.939.419
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	66.048.923.130	100.495.967.651

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2025	30/6/2024
		VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	394.057.570.451	492.229.397.010
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(510.049.980.865)	(569.373.880.935)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(42.943.966.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(115.992.410.414)	(120.088.450.425)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	218.068.447.251	(55.113.208.954)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	146.777.742.691	252.271.213.535
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	364.846.189.942	197.158.004.581

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:


 Ngô Việt Hà
Kế toán Trưởng


Lê Chio Lim Larry
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Thông báo số 5158/TB-SGDHN ngày 5 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là SBB.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Ngày 3 tháng 1 năm 2025, Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“SABECO”) đã mua thêm 37.814.900 cổ phần của Công ty, nâng tỷ lệ sở hữu của SABECO tại Công ty từ 21,80% lên 65,00% và qua đó chuyển Công ty từ công ty liên kết thành công ty con của SABECO. Do đó, kể từ ngày này, SABECO trở thành công ty mẹ của Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán bia, rượu mạch nha và mạch nha; sản xuất đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ uống, phế liệu kim loại và phi kim loại; cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ; và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.

Các hoạt động chính của các công ty con được thể hiện ở Thuyết minh 1(d).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn		Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 3 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2025: 3 công ty con và 2 công ty liên kết). Chi tiết như sau:					
STT	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính	30/6/2025		1/1/2025	
				% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
I	Các công ty con						
1	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bia Sài Gòn Bình Tây	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn đồ uống (rượu, bia, nước ngọt) và cung cấp dịch vụ nhà hàng	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Phú Lý	Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	100%	100%	100%	100%
3	Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	100%	100%	100%	100%
II	Các công ty liên kết						
1	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Long Khánh	Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	20,20%	20,20%	20,20%	20,20%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn (*)	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất chai lọ kim loại, lon và in ấn bao bì	-	-	18,46%	20,01%

(*) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn giảm từ 20,01% xuống 18,46% tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và do đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn không còn là công ty liên kết của Tập đoàn kể từ thời điểm đó (Thuyết minh 9(b)(i) và Thuyết minh 9(b)(ii)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 588 nhân viên (1/1/2025: 636 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Khi Tập đoàn không còn ảnh hưởng đáng kể với một công ty liên kết, Tập đoàn dừng ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết và ghi nhận đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác. Tại ngày không còn ảnh hưởng đáng kể, nếu giá trị hợp lý của khoản đầu tư không thể xác định được, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư kể từ ngày không còn ảnh hưởng đáng kể được xem là giá gốc của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đó trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 43 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 41 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động kinh doanh khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ, và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê. Ban Giám đốc cho rằng các lĩnh vực hoạt động này không chịu ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc của Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ sở của các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có sự thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tập đoàn kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia và đồ uống không cồn. Các hoạt động khác bao gồm cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu trữ, và kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tập đoàn. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu bán hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	868.553.564	2.162.137.667
Tiền gửi ngân hàng	217.865.416.585	94.615.605.024
Các khoản tương đương tiền	146.112.219.793	50.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	364.846.189.942	146.777.742.691
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 0,50% đến 4,75% một năm (1/1/2025: 2,90% một năm).

9. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,20% đến 4,80% một năm (1/1/2025: từ 4,10% đến 5,50% một năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2025			1/1/2025		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty liên kết (i)	41.186.788.990	-	41.186.788.990	186.560.212.473	-	186.560.212.473
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	173.867.264.653	(1.500.000.000)	172.367.264.653	22.166.850.000	(1.500.000.000)	20.666.850.000
	215.054.053.643	(1.500.000.000)	213.554.053.643	208.727.062.473	(1.500.000.000)	207.227.062.473



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bina Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2025			1/1/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bina Sài Gòn - Quảng Ngãi	11.666.670.000	22.201.673.010	-	11.666.670.000	24.150.006.900	-
▪ Công ty Cổ phần Bina Sài Gòn - Hà Nội	9.000.180.000	17.295.345.900	-	9.000.180.000	16.830.336.600	-
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thực phẩm Trường Sa	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(*)	(1.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	151.700.414.653	(*)	-	-	-	-
	173.867.264.653		(1.500.000.000)	22.166.850.000		(1.500.000.000)

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 được xác định bằng cách tham khảo giá niêm yết cổ phiếu.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	229.544.983.034	127.134.553.956
Công ty Cổ phần Thương Mại Sagota Cà Mau	23.388.205.764	23.388.205.764
Các khách hàng khác	251.515.203.272	249.663.955.422
	<hr/>	<hr/>
	504.448.392.070	400.186.715.142
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	229.544.983.034	127.134.553.956
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	742.802.233	332.982.405
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu tiền lãi	1.654.671.447	203.315.068
Tạm ứng cho nhân viên	904.109.000	658.000.000
Phải thu khác	474.850.885	359.017.385
	<hr/>	<hr/>
	3.033.631.332	1.220.332.453
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	30/6/2025				1/1/2025		
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Cà Mau	Trên 3 năm	23.388.205.764	(23.388.205.764)	-	Trên 3 năm	23.388.205.764	(23.388.205.764)
▪ Công ty Cổ phần Gota Quảng Ngãi	Trên 3 năm	17.992.290.458	(17.992.290.458)	-	Trên 3 năm	17.992.290.458	(17.992.290.458)
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Sagota Bita Miền Bắc	Trên 3 năm	17.988.474.416	(17.852.452.034)	136.022.382	Trên 3 năm	17.852.452.034	(17.852.452.034)
▪ Các khách hàng khác	Trên 3 năm	199.301.703.336	(187.936.011.339)	11.365.691.997	Trên 3 năm	199.574.610.920	(187.936.011.339)
		258.670.67.974	(247.168.959.595)	11.501.714.379		258.807.559.176	(247.168.959.595)
							11.638.599.581



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	105.098.211.734	(5.408.769.647)	118.670.482.597	-
Công cụ và dụng cụ	16.100.445.976	(8.559.294.589)	15.801.442.149	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	54.199.129.134	-	68.095.038.479	-
Thành phẩm	22.151.107.988	-	63.771.196.139	-
Hàng hóa	321.327.059	(7.398.500)	1.722.591.417	-
Hàng gửi đi bán	23.252.785.861	(19.057.344.629)	22.591.644.505	-
	221.123.007.752	(33.032.807.365)	290.652.395.286	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 33.033 triệu VND (1/1/2025: không) hàng tồn kho lỗi thời hoặc chậm luân chuyển.

Trong kỳ, Tập đoàn đã trích lập dự phòng hàng tồn kho với số tiền là 33.033 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: không).

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20.569.594.939	(14.646.998.982)	19.963.121.127	-

Trong thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 14.647 triệu VND (1/1/2025: không) thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn chậm luân chuyển.

Trong kỳ, Tập đoàn đã trích lập dự phòng thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn với số tiền là 14.647 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024: không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	839.929.899.005	2.949.474.627.354	58.613.131.992	3.931.730.437	2.266.799.696	3.854.216.188.484
Tăng trong kỳ	-	5.427.563.204	-	-	-	5.427.563.204
Thanh lý	-	-	(2.326.789.618)	-	-	(2.326.789.618)
Số dư cuối kỳ	839.929.899.005	2.954.902.190.558	56.286.342.374	3.931.730.437	2.266.799.696	3.857.316.962.070
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	481.655.030.384	2.304.669.238.406	39.127.465.835	3.773.977.695	2.266.799.696	2.831.492.512.016
Khấu hao trong kỳ	19.012.919.144	55.588.949.201	1.769.135.088	27.213.210	-	76.398.216.643
Thanh lý	-	-	(2.326.789.618)	-	-	(2.326.789.618)
Số dư cuối kỳ	500.667.949.528	2.360.258.187.607	38.569.811.305	3.801.190.905	2.266.799.696	2.905.563.939.041
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	358.274.868.621	644.805.388.948	19.485.666.157	157.752.742	-	1.022.723.676.468
Số dư cuối kỳ	339.261.949.477	594.644.002.951	17.716.531.069	130.539.532	-	951.753.023.029

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 1.290.520 triệu VND (1/1/2025: 1.213.848 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 374.345 triệu VND (1/1/2025: 417.593 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	87.114.712.377	1.959.375.000	89.074.087.377
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	22.424.604.528	1.959.375.000	24.383.979.528
Khấu hao trong kỳ	880.280.916	-	880.280.916
Số dư cuối kỳ	23.304.885.444	1.959.375.000	25.264.260.444
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	64.690.107.849	-	64.690.107.849
Số dư cuối kỳ	63.809.826.933	-	63.809.826.933

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 4.684 triệu VND (1/1/2025: 4.684 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	32.076.499.865	10.493.630.896	8.298.848.359	2.087.782.518	52.956.761.638
Tăng trong kỳ	-	-	1.007.202.191	490.716.000	1.497.918.191
Phân bổ trong kỳ	(512.657.874)	(9.757.542.098)	(1.839.733.302)	(745.188.723)	(12.855.121.997)
Số dư cuối kỳ	31.563.841.991	736.088.798	7.466.317.248	1.833.309.795	41.599.557.832

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	184.722.388.673	35.351.796.845
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	14.508.707.410	15.182.080.251
Các nhà cung cấp khác	29.724.318.326	31.334.781.381
	228.955.414.409	81.868.658.477

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	184.722.388.673	35.351.796.845
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	14.508.707.410	15.182.080.251
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	811.816.233	5.105.648.574
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	168.414.321	81.830.673
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	119.504.837	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	38.681.477	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	34.949.880	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	1.354.909	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	-	16.740.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 15 ngày kể từ ngày hóa đơn.

18. Người mua trả tiền trước

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Metro J Trading Co., Ltd.	22.492.959.032	9.404.698.102
Trade Beer Sole Co., Ltd	7.554.766.156	6.732.350.222
Các khách hàng khác	4.207.785.317	3.658.045.245
	34.255.510.505	19.795.093.569

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cán trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	22.368.658.891	286.441.964.895	(112.722.482.020)	(133.530.397.527)	62.557.744.239
Thuế tiêu thụ đặc biệt	263.473.125.082	1.382.830.210.503	-	(1.335.646.556.583)	310.656.779.002
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.910.160.651	5.779.155.754	-	(1.910.160.651)	5.779.155.754
Thuế thu nhập cá nhân	913.619.541	2.231.674.336	-	(2.477.433.125)	667.860.752
Thuế tài nguyên môi trường	2.714.400	14.077.760	-	(14.414.960)	2.377.200
Các loại thuế khác	112.876.251.078	4.778.566.713	-	(115.650.440.341)	2.004.377.450
	401.544.529.643	1.682.075.649.961	(112.722.482.020)	(1.589.229.403.187)	381.668.294.397

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí thuê	2.058.373.213	-
Chi phí lãi vay	119.122.187	1.737.502.509
Chi phí phải trả khác	1.824.597.232	1.501.040.602
	<hr/> 4.002.092.632	<hr/> 3.238.543.111 <hr/>

21. Phải trả khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	27.305.028.552	25.998.898.552
Cổ tức phải trả	3.599.799.000	3.599.799.000
Kinh phí công đoàn	2.134.143.535	1.751.840.335
Phải trả khác	311.283.335	235.714.168
	<hr/> 33.350.254.422	<hr/> 31.586.252.055 <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bía Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ		30/6/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
	Tăng VND	Giảm VND	
1/1/2025 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam			
– Chi nhánh Kỳ Đồng (i)	315.405.223.721	(347.043.217.398)	181.164.991.597
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (ii)	78.652.346.730	(139.568.738.467)	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn (iii)	-	(20.000.000.000)	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	-	(3.438.025.000)	-
– Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	-	(3.438.025.000)	-
	297.157.402.011	394.057.570.451	181.164.991.597

Điều kiện và điều khoản của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng	VND	4,8% - 6,5%	181.164.991.597	212.802.985.274
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín	VND	6,9% - 7,0%	-	60.916.391.737
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bía Sài Gòn	VND	6,5%	-	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	5,5%	-	3.438.025.000
			181.164.991.597	297.157.402.011



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09– DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng có hạn mức tín dụng là 250.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị của Tập đoàn (Thuyết minh 14).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị sản xuất bia và quyền sử dụng đất của Tập đoàn (Thuyết minh 14 và Thuyết minh 15).
- (iii) Các khoản vay này không có đảm bảo.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.378.213.675	6.131.504.036
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	4.799.757.232	-
Sử dụng trong kỳ	(2.135.836.160)	(2.499.851.111)
Số dư cuối kỳ	5.042.134.747	3.631.652.925

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	30/6/2025	1/1/2025
		VND	VND
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:</i>			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	122.372.050.289	122.372.050.289

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	(231.591.740.886)	1.527.838.865.247
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(88.030.352.312)	(88.030.352.312)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	498.645.305.720	(319.622.093.198)	1.439.808.512.935
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(87.524.536.000)	87.524.536.000	-
Cổ tức	-	-	-	-	(87.524.536.000)	(87.524.536.000)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(218.721.254.316)	(218.721.254.316)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	411.120.769.720	(538.343.347.514)	1.133.562.722.619
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 27)	-	-	-	(411.120.769.720)	411.120.769.720	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(4.799.757.232)	(4.799.757.232)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	(75.569.167)	(75.569.167)
Giảm khác	-	-	-	-	(33.000.000)	(33.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	42.062.461.149	42.062.461.149
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	875.245.360.000	436.708.750.464	(51.168.810.051)	-	(90.068.443.044)	1.170.716.857.369

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	87.524.536	875.245.360.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 23 tháng 6 năm 2025 đã quyết định hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 411.121 triệu VND về lại lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024: không) (Thuyết minh 25).

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.537.962.704	9.537.962.704
Từ hai đến năm năm	156.405.149.657	158.805.857.493
Sau năm năm	109.942.809.114	112.311.082.631
	275.885.921.475	280.654.902.828

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	408.430	10.605.720.440	1.943.065	48.877.798.817

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.500.668.842.765	893.575.300.702
▪ Bán hàng hóa	39.318.096.788	64.116.611.172
▪ Cung cấp dịch vụ	14.421.217.881	64.885.706.830
▪ Doanh thu khác	6.483.751.785	7.741.254.650
	1.560.891.909.219	1.030.318.873.354

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	1.382.504.190.212	841.372.221.033
Hàng hóa đã bán	37.251.077.937	57.427.538.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	47.679.806.347	-
Dịch vụ đã cung cấp	9.580.273.825	61.847.998.548
Giá vốn khác	2.593.339.500	4.330.376.640
	1.479.608.687.821	964.978.134.525



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	5.067.208.772	3.844.902.919
Thu nhập từ cổ tức	2.066.685.000	2.650.018.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.339.591.593	929.008.991
	<hr/>	<hr/>
	9.473.485.365	7.423.930.410
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.370.717.797	11.438.937.156
Chi phí tài chính khác	6.014.416	46.878.388
	<hr/>	<hr/>
	8.376.732.213	11.485.815.544
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	5.707.783.132	8.864.676.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.293.881.287	2.327.524.862
Chi phí nhân viên	1.999.522.977	3.991.351.874
Chi phí khấu hao và phân bổ	86.078.364	149.073.096
Chi phí bán hàng khác	112.927.354	1.113.657.126
	<hr/>	<hr/>
	11.200.193.114	16.446.283.575
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.940.120.424	14.935.671.855
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.079.671.365	4.462.148.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.959.562.715	2.153.198.239
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ	1.018.203.721	478.960.402
Dự phòng phải thu khó đòi	-	69.395.787.827
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.271.715.968	2.933.967.344
	27.269.274.193	94.359.734.385

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.260.970.202.271	762.016.573.105
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	47.679.806.347	-
Chi phí nhân công và nhân viên	60.158.249.890	49.900.868.646
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.278.497.559	80.321.618.853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.736.609.292	41.232.218.585
Chi phí khác	18.254.789.769	4.405.697.786

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	5.779.155.754	434.287.657
Chi phí thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	13.571.725.230
	5.779.155.754	14.006.012.887

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	47.841.616.903	(74.024.339.425)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.568.323.381	(14.804.867.885)
Thu nhập được miễn thuế	(1.678.735.234)	(530.003.700)
Chi phí không được khấu trừ thuế	729.662.915	188.995.736
Lỗ tính thuế được sử dụng	(12.376.056.577)	-
Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	9.535.961.269	29.151.888.736
	5.779.155.754	14.006.012.887

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	47.679.806.347	9.535.961.269	-	-
Lỗi tính thuế	1.069.967.487.619	213.993.497.524	1.131.847.770.506	226.369.554.101
	1.117.647.293.966	223.529.458.793	1.131.847.770.506	226.369.554.101

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Lỗi tính thuế được khấu trừ VND
2025	Chưa quyết toán	82.116.905.883
2026	Chưa quyết toán	33.145.230.793
2027	Chưa quyết toán	17.489.914.101
2028	Chưa quyết toán	440.819.405.977
2029	Chưa quyết toán	494.527.967.328
2030	Chưa quyết toán	1.868.063.537
		1.069.967.487.619

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong kỳ	42.062.461.149	(88.030.352.312)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.799.757.232)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	37.262.703.917	(88.030.352.312)

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được ước tính dựa trên số kế hoạch đã được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho hai kỳ báo cáo là 87.524.536 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	426	(1.006)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.392.135.029.415	762.347942.389
Bán nguyên vật liệu	115.000.667	-
Cung cấp dịch vụ	100.295.000	-
Mua nguyên vật liệu	1.044.016.151.942	569.371.393.854
Mua thiết bị	595.207.000	-
Cổ tức đã trả	-	7.186.150.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn		
Bán thành phẩm	-	10.000.000
Mua vật liệu bao bì	37.041.385.875	64.782.517.323
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Chi phí thuê đất	2.058.373.213	3.120.525.256
Cổ tức đã trả	-	2.760.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Thu nhập từ cổ tức	1.166.667.000	1.750.000.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Thu nhập từ cổ tức	900.018.000	900.018.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	1.325.561.086	-
Phí thuê pallet	284.065.174	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	579.728.450	-
Mua dịch vụ	8.600.000	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	106.719.250	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	62.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2024
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Mua hàng hóa	54.441.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Mua hàng hóa	32.361.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	6.559.099	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua dịch vụ	1.292.879	-
Mua hàng hóa	102.963	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester	32.000.000	-
Ông Lâm Du An	28.000.000	-
Ông Văn Thảo Nguyên	36.000.000	36.000.000
Ông Đình Quang Hải	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	24.000.000	-
Ông Văn Thanh Liêm	16.000.000	48.000.000
Ông Đình Văn Thuận	12.000.000	36.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi	12.000.000	36.000.000
Ông Đặng Thái	-	36.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	-	36.000.000
Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	1.880.000.000	1.620.000.000
Ban Kiểm soát		
Thù lao	74.000.000	54.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025

Người lập:



Hoàng Lan Hương
Kế toán

Người duyệt:



Ngô Việt Hà
Kế toán Trưởng

Lạc Chí Lim Larry
Tổng Giám đốc

